

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Khắc Thái và Ông Võ Văn Chinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 22/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HS ngày 20/3/2024, đối với bị cáo:

C P (tên gọi khác: **A L**), sinh ngày 05/3/1996, tại **Bản A, Lào**; quốc tịch: Lào; CMND số: 15-0015630, cấp ngày: 26/5/2016, giá trị sử dụng đến ngày: 26/5/2021, nơi cấp: tỉnh Sê Kông, Lào; nơi cư trú: **Bản S, huyện K, tỉnh Sê Kông**, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; trình độ học vấn: Không xác định rõ; dân tộc: Ka Tu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Lào; con ông **V** (đã chết) và bà **N**, trú tại Lào; có vợ là: **K Đ**, trú tại Lào và có 01 con nhỏ tên **Ô L1**, tuổi không xác định rõ; tiền án, tiền sự: Không (xác định theo hồ sơ vụ án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/10/2023, chuyển tạm giam ngày 16/10/2013 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh **A Viết H**, sinh năm 1992; trú tại: **thôn A, xã Q, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế** (... mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh **H**: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Á**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

Địa chỉ: **số I đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế** (... mặt).

2. Anh **A Viết N1**, sinh năm 2000; trú tại **thôn A, xã Q, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế** (... mặt)..

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh **N1**: Ông **Hồ Ngọc L2**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; địa chỉ: **I T, phường P, thành phố H** (... mặt)..

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **A Viết Thị H1**, sinh năm 1992; trú tại: **thôn K, xã Q, huyện A, tỉnh**

Thừa Thiên Huế (.... mặt).

2. Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1999; trú tại: Lô E, đường K, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế (.... mặt).

* Người làm chứng: Bà Kăn T, sinh năm 1942; trú tại: thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế (.... mặt).

* Người phiên dịch cho bị cáo: Bà Lê Hà T1, Cộng tác viên dịch thuật của Trung tâm dịch vụ đối ngoại, Sở Ngoại vụ tỉnh T.

Địa chỉ: E L, Khu phố C, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (.... mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, C Pít từ S, K, S, nước Cộng Hòa dân chủ nhân dân Lào đi bộ bằng đường rừng vào địa bàn xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế (do C P không có Hộ chiếu nên không đi theo đường chính ngạch). Khi ngang qua trước Trạm kiểm soát Biên phòng H2 thuộc Đồn Biên phòng N2 khoảng 500 mét thì thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75L1-129.XX do anh A Viết H dựng tại lề đường (xe mượn của chị gái ruột là A Viết Thị H1). C P quan sát thấy không có ai trông giữ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, đi đến lén lút rút dây điện khóa xe và đầu nối nổ máy tẩu thoát. Đến 13 giờ cùng ngày, C P điều khiển xe vào tiệm sửa xe máy “Thanh Thắng” của anh A Viết N1 nằm trên đường H thuộc thị trấn A, huyện A để thay ốc vít đầu xe. Vào tiệm, C P thấy trên tủ nhôm kính có 01 điện thoại di động, hiệu Vivo của anh N1, lợi dụng anh N1 đang sửa xe C Pít đã lén lút lấy trộm máy điện thoại cất vào túi quần. Rồi ra trả tiền sửa xe là 5.000 đồng cho anh N1 và lấy xe mô tô điều khiển đi đến cửa hàng điện thoại “Ku Zét” tại thị trấn A, huyện A để cầm cố điện thoại. Tại đây, C P gặp anh Nguyễn Huỳnh Đ1 - nhân viên cửa hàng, C P nói muốn cầm máy điện thoại để lấy tiền, anh Đ1 hỏi họ tên, giấy tờ thì C P nói tên “Kly”, còn giấy tờ thì không mang theo; anh Đ1 viết giấy cầm rồi đưa cho C P 1.000.000 đồng, anh Đ1 giữ máy điện thoại. Sau đó C P điều khiển xe máy về nhà bà ngoại ở xã A, huyện A.

Anh A Viết H và anh A Viết N1 phát hiện bị mất tài sản nên trình báo đến Cơ quan Công an huyện A. Sau đó, quá trình làm việc với Cơ quan điều tra C Pít đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen xám; biển kiểm soát 75L1-129.XX tại thời điểm ngày 04/10/2023 có giá 18.982.000 đồng;

+ 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Vivo Y22S, màu xanh, ốp lưng dẻo màu trắng, có thẻ sim số 0379854389 tại thời điểm ngày 04/10/2023 có giá 3.798.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Tạm giữ của bị cáo C P gồm:

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, đen xám; Biển kiểm soát 75L1-129.XX;

+ 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ “LEVIS”;

- + 01 (một) áo khoác gió vải dài tay, màu đen;
- + 01 (một) đôi dép 03 quai, màu đen đỏ, size 40, trên dép có chữ “LADA”;
- + 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (được niêm phong);
- + 01 (một) chìa khóa xe, trên chìa khóa xe có ký hiệu “Y1080”;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đỏ, trên mũ có 04 chữ “L T”.

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu do anh **Bua T2** (sinh năm 1988; trú tại **bản S, huyện K, tỉnh Sê Kông, Lào**) giao nộp, gồm:

+ 01 thẻ chứng minh nhân dân, mặt trước có các dòng chữ có đặc điểm như tiếng Lào, có dán 01 ảnh và 01 dấu tròn đỏ, trên mặt trước của thẻ có ngày 5/3/1996, ngày 26/5/2016, số 15-0015630; mặt sau có các dòng chữ đặc điểm như tiếng Lào;

+ 01 quyển sổ màu xanh, có các chữ đặc điểm như tiếng Lào, mặt trước của sổ có số “392”; trang số 1, 3, 4 có 01 dấu tròn đỏ; trang số 2 có dán 01 ảnh và đóng giáp lai bằng 01 dấu tròn đỏ, sổ đã qua sử dụng;

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu do anh **Võ Thanh T3** (sinh năm 1994; trú tại **tổ dân phố D, thị trấn A, huyện A**) chủ cửa hàng xe máy Thanh Thắng giao nộp gồm: 01 đĩa CD-R NEO lưu đoạn video có nội dung C Pít vào trộm máy điện thoại của anh **A Viết N1**.

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu do anh **Nguyễn Trọng T4** (sinh năm 1992; trú tại **tổ dân phố E, thị trấn A, huyện A**) chủ cửa hàng điện thoại Cu Zét giao nộp gồm: 01 máy điện thoại di động hiệu ViVo Y22S, màu xanh, ốp lưng dẻo màu trắng; có thẻ sim 0379854389; 01 (một) đĩa CD-R NEO lưu đoạn video có nội dung **C P** vào cầm máy điện thoại của anh **A Viết N1**.

Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T** đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là chị **A Viết Thị H1** 01 xe mô tô, biển kiểm soát 75L1-129.XX; trả lại cho anh **A Viết N1** 01 máy điện thoại di động hiệu ViVo Y22S.

- 01 đĩa CD-R NEO lưu đoạn video có nội dung C Pít vào trộm máy điện thoại của anh **A Viết N1** và 01 đĩa CD-R NEO lưu đoạn video có nội dung **C P** vào cầm máy điện thoại của anh **A Viết N1** được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Các vật chứng còn lại hiện Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị **A Viết Thị H1** và anh **A Viết N1** đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì. Anh **Nguyễn Huỳnh Đ1** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng cầm cố điện thoại cho bị cáo, hiện bị cáo vẫn chưa bồi thường.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị hại là **A Viết H**, anh **A Viết N1** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 22/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo C Pít (tức A Ly) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **C P1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **C P1** 06 tháng 07

ngày tù; bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/10/2023 đến ngày 15/4/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **C P1** hoàn trả lại cho anh **Đ1** số tiền 1.000.000 đồng đã chiếm đoạt cầm cố.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại là anh **A Viết H**, anh **A Viết N1** trình bày: Hiện nay, các anh **A Viết H** và anh **A Viết N1** đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự đối với bị cáo. Đồng thời, các anh **A Viết H** và anh **A Viết N1** đều có Đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **C P1**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh **Nguyễn Huỳnh Đ1** tiếp tục yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về lý lịch, nhân thân của bị cáo **C P1**:

Ngày 24/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** đã ban hành văn bản số: 04/YC-VPCQCSĐT-Đ3 về việc ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sê Kông nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để xác minh nhân thân, lai lịch, tiền án và tiền sự của bị cáo **C P1**. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án vẫn không nhận được phản hồi từ phía Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sê Kông. Do đó, về lý lịch của bị cáo **C P1** được xác định cụ thể qua giấy tờ tùy thân (CMND), hộ chiếu, các văn bản tài liệu thu thập được cũng như lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **C P1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

C P là người mang quốc tịch Lào, nhập cảnh vào Việt Nam ngày 04/10/2023, không đi theo đường chính ngạch mà băng đường rừng vào địa bàn **xã**

H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng tầm 07 giờ 00 phút – 08 giờ 00 phút cùng ngày, tại xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi dụng sơ hở của anh A Viết H, C P1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, đen xám, Biển kiểm soát 75L1-129.XX của anh A Viết H (là xe anh H mượn của chị gái là A Viết Thị H1). Tiếp đó, vào lúc 13 giờ 00 phút cùng ngày, tại Tiệm sửa xe máy “Thành Thắng” thuộc thị trấn A, huyện A, C đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22S, màu xanh, có thẻ sim số 0379854389 của anh A Viết N1. Giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt theo Kết luận định giá của xe mô tô là 18.982.000 đồng, của chiếc điện thoại là 3.798.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà C P1 đã chiếm đoạt là 22.780.000 đồng.

Hành vi này của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được P2 bảo vệ. Do đó, Cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo C P1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, lười nhác lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân Việt Nam được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người nước ngoài (Lào) thực hiện hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam và không thuộc trường hợp được miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Hình sự và Điều 3 Bộ luật Tố tụng hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Theo hồ sơ vụ án, bị cáo không có tiền án, tiền sự gì.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần có hành vi trộm cắp tài sản mà giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận định: bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 15/4/2024 là 187 ngày, tương ứng với 06 tháng 07 ngày, nên không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo

ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng một mức hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét thấy bị cáo bị xét xử về tội phạm ít nghiêm trọng, mục đích phạm tội của bị cáo đơn giản, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là Trục xuất đối với bị cáo theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Hình sự là đảm bảo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh **Nguyễn Hồng Đ** yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng đã cầm cố điện thoại. Xét thấy yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính đáng và phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Hiện số tiền 20.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế là số tiền còn lại của số tiền 1.000.000 đồng của anh **Đ** đã đưa cho bị cáo nên anh **Đ** được nhận lại số tiền này; buộc bị cáo **C P1** phải bồi thường tiếp số tiền 980.000 đồng cho anh **Đ**.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng thu giữ gồm:

- + 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ “LEVIS”;
- + 01 (một) áo khoác gió vải dài tay, màu đen;
- + 01 (một) đôi dép 03 quai, màu đen đỏ, size 40, trên dép có chữ “LADA”;
- + 01 (một) chìa khóa xe, trên chìa khóa xe có ký hiệu “Y1080”;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đỏ, trên mũ có 04 chữ “L T”.

Đây là những đồ dùng, vật dụng cá nhân của bị cáo không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Các vật chứng như: 02 thẻ chứng minh nhân dân, số 15-0015630 và số 15-0015645; 01 quyền sở hộ khẩu có số “392”. Đây là những giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Hoàn trả cho anh **Nguyễn Huỳnh Đ1**: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **C P** (tên gọi khác: **A L**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo: C P 06 tháng 07 ngày tù; bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/10/2023 đến ngày 15/4/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 579, 580, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo **C P1** phải bồi thường tiếp số tiền 980.000 đồng cho anh

Nguyễn Hồng Đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, trên mũ có chữ “LEVIS”;
- + 01 (một) áo khoác gió vải dài tay, màu đen;
- + 01 (một) đôi dép 03 quai, màu đen đỏ, size 40, trên dép có chữ “LADA”;
- + 01 (một) chìa khóa xe, trên chìa khóa xe có ký hiệu “Y1080”;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng đỏ, trên mũ có 04 chữ “L T”.

Trả lại cho bị cáo:

- + 02 thẻ chứng minh nhân dân, số 15-0015630 và số 15-0015645;
- + 01 sổ hộ khẩu số: “392”.

(Những vật chứng này có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện đang tạm gửi tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

- Hoàn trả cho anh **Nguyễn Huỳnh ĐI**: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 29/3/2024 tại **Kho bạc Nhà nước tỉnh T** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế để bảo đảm thi hành án các khoản tiền trên).

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo C P phải chịu 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo **C P1** phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
 - VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
 - VKSND tỉnh TT- Huế;
 - Sở Tư pháp tỉnh TT- Huế;
 - Phòng PV06 CA tỉnh TT- Huế;
 - Cục THADS tỉnh TT-Huế;
 - Bị cáo; Bị hại;
 - Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp;
 - Lưu: Tòa Hình sự, Hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV & THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú